TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 - TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **01**/2025/KDTM-ST
Ngày 12 - 9 - 2025
V/v Tranh chấp hợp đồng thi công

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - TUYÊN QUANG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Ông Lương Hữu San
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Tô Minh Hoan
2. Ông Quan Văn Ngụ

- Thư ký phiên toà: Bà Khổng Thị Thụy – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Thảo – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 3 – Tuyên Quang mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh, thương mại thụ lý số 01/2025/TLST- KDTM, ngày 06 tháng 02 năm 2025, về việc *"Tranh chấp hợp đồng thi công*".

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2025/QĐXXST- KDTM, ngày 30 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2025/QĐST – KDTM, ngày 25/8/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Đ.

Địa chỉ: Lô 96, khu đô thị Tân Phát, tổ dân phố Y 4, phường X, tỉnh Tuyên Quang (địa chỉ cũ: Lô 96, khu đô thị Tân Phát, tổ 4, phường Y, thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Văn H; chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Vũ Trung K – Luật sư thuộc Công ty Luật TNHH Vũ Kiên, đoàn luật sư tỉnh Tuyên Quang; địa chỉ: MG4-09 vincom, phố Hà Huy Tập, tổ dân phố P 13, phường X, tỉnh Tuyên Quang (địa chỉ cũ: MG4 – 09 Vincom, phố Hà Huy Tập, tổ 13, phường P, thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang).

2. Bị đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Q.

Địa chỉ: Số nhà 666, tổ 12A, phường B, tỉnh Thái Nguyên (địa chỉ cũ: Số nhà 666, tổ 12, phường Phùng Chí K, thành phố B, tỉnh B).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Q; chức vụ: Giám đốc.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Công ty cổ phần tập đoàn xây dựng Đ (tên gọi cũ: Công ty cổ phần tập đoàn xây dựng 168 Việt Nam).

Địa chỉ: Số nhà 63, đường P, phường X, thành phố Hà Nội (địa chỉ cũ: Số nhà 63, đường P, phường D, quận X, thành phố Hà Nội).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phùng Tuấn A; chức vụ: Tổng Giám đốc.

(Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Vũ Trung K có mặt; đại diện theo pháp luật của bị đơn ông Ngô Q vắng mặt không có lý do; đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi,nghĩa vụ liên quan ông Phùng Tuấn A có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai đại diện theo pháp luật của nguyên đơn ông Trần Văn H và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Vũ Trung K trình bày:*

Ngày 06/05/2023, Bên giao thầu (Bên A) Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng 168 Việt Nam ký kết Hợp đồng kinh tế số 01/HĐKT/2023/168-TQ-HPĐ về việc thi công bốc xúc, vận chuyển, khoan nổ mìn phục vụ thi công đoạn Km227 + 000 – Km238 + 000 thuộc gói thầu số 14: Dự án: Cải tạo, nâng cấp QL2C đoạn tuyến Km217 + 150 – Km247 + 100 tỉnh Tuyên Quang với Bên nhận thầu (bên B) bao gồm hai thành viên liên danh: Thành viên liên danh thứ nhất là Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Q (viết tắt là Công ty TNHH MTV Q); Thành viên liên danh thứ hai là Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Hưng Phát Đát (viết tắt là Công ty TNHH MTV Đ). Địa điểm thực hiện công trình thuộc địa bàn thôn Cổ Yểng, xã Thanh Tương, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang. Theo nội dung của hợp đồng thì bên liên danh thứ hai Công ty TNHH MTV Đ thực hiện công việc khoan phá đá, nổ mìn phục vụ thi công đường giao thông đoạn Km 227+000 - Km 238+ 000 thuộc gói thầu số 14: Dự án cải tạo nâng cấp QL2C đoạn tuyến Km217+150 - Km247+100 tỉnh Tuyên Quang. Giá trị hợp đồng do bên liên danh thứ hai Công ty TNHH MTV Đ được tạm tính là 110.000m^3 x 73.180đ/m^3 = 8.049.793.400 VNĐ *(Tám tỷ không trăm bốn mươi chín triệu bảy trăm chín mươi ba nghìn, bốn trăm đồng).* Trong hợp đồng, các bên thỏa thuận rõ khối lượng công việc của từng thành viên liên danh và tại điểm 5.8 Điều 5 các bên thỏa thuận Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng 168 Việt Nam sẽ thanh toán qua Công ty TNHH MTV Q.

Thực hiện các nội dung theo hợp đồng, Công ty TNHH MTV Đ đã hoàn thành xong các phần việc về khoan, nổ mìn đạt yêu cầu kỹ thuật, tiến độ và chất lượng công việc và các bên đã nghiệm thu, hoàn thiện hồ sơ và xuất hóa đơn theo quy định. Ngày 29/6/2024, Công ty TNHH MTV Đ và Công ty TNHH MTV Q đã lập biên bản đối chiếu công nợ và xác nhận làm cơ sở thanh toán. Theo đó, Công ty TNHH MTV Q còn phải thanh toán cho Công ty TNHH MTV Đ số tiền 1.213.907.290đ *(Một tỷ hai trăm mười ba triệu chín trăm linh bảy nghìn hai trăm chín mươi đồng),* sau khi trừ đi các khoản Công ty TNHH MTV Q còn phải thanh toán cho Công ty TNHH MTV Đ số tiền 869.195.303đ *(Tám trăm sáu mươi chín triệu một trăm chín mươi lăm nghìn ba trăm linh ba đồng).*

Công ty TNHH MTV Đ đã nhiều lần gọi điện và trao đổi bằng văn bản (04 văn bản) về việc thanh toán số tiền còn lại nhưng phía Công ty TNHH MTV Q không hợp tác, không có văn bản trả lời và cũng không trả số tiền còn lại theo hợp đồng hai bên đã ký thỏa thuận. Đồng thời, Công ty TNHH MTV Đ đã có văn bản gửi Ban Quản lý các công trình giao thông tỉnh Tuyên Quang (Chủ đầu tư) và Công ty Cổ phần tập đoàn xây dựng 168 (nhà thầu chính) quan tâm giúp đỡ có ý kiến và xem xét, đánh giá năng lực đối với Công ty TNHH MTV Q khi thực hiện các công trình trên địa bàn tỉnh trong thời gian qua cũng như trong thời gian tiếp theo. Tuy nhiên, Công ty TNHH MTV Q vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nên Công ty TNHH MTV Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty TNHH MTV Q thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH MTV Đ số tiền nợ gốc còn lại là 869.195.303đ *(Tám trăm sáu mươi chín triệu, một trăm chín mươi lăm nghìn, ba trăm linh ba đồng)* và tiền lãi trên số tiền chậm trả theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả đến tháng 12/2024 là: 869.195.303đ x 05 tháng x 1%/tháng = 43.459.000đ *(Bốn mươi ba triệu bốn trăm năm mươi chín nghìn đồng).* Tổng số tiền Công ty TNHH MTV Q phải trả cho Công ty TNHH MTV Đ là 912.654.000đ *(Chín trăm mười hai triệu, sáu trăm năm mươi bốn nghìn đồng).*

** Theo nội dung Bản tự khai và Đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty cổ phần tập đoàn xây dựng Đ – ông Phùng Tuấn A trình bày:*

Công ty cổ phần Tập đoàn xây dựng Đ (trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng 168 Việt Nam) là nhà thầu tham gia thi công gói thầu số 14: Thi công xây dựng đoạn tuyến từ Km227+000 - Km238+000, dự án: Cải tạo, nâng cấp QL2C đoạn Km217+150 - Km247+100, tỉnh Tuyên Quang (Bên A) đã ký hợp đồng kinh tế số 01/HĐKT/2023/168-TQ-HPĐ ngày 06/05/2023 với Liên danh Công ty TNHH MTV Q - Công ty TNHH MTV Đ (Bên B) để thi công bốc xúc, vận chuyển, khoan nổ mìn phá đá. Tại Điều 5.7 và Điều 5.8 của Hợp đồng số 01/HĐKT/2023/168-TQ-HPĐ ngày 06/05/2023 đã quy định "*Tạm ứng cho Bên B thông qua thành viên đứng đầu Liên danh là Công ty TNHH MTV Q*" và "*Thanh toán qua Công ty TNHH MTV Q*". Trong suốt quá trình thực hiện hợp đồng, phù hợp với tiến độ công việc mà Bên B thực hiện đến đâu thì Bên A thanh toán luôn đến đó sau khi nhận được tiền thanh toán từ Chủ đầu tư. Đến nay, Bên A đã thanh toán toàn bộ 100% khối lượng, giá trị mà Bên B đã thực hiện bằng việc chuyển tiền tạm ứng và thanh toán cho Công ty TNHH MTV Q theo đúng thỏa thuận tại Hợp đồng nêu trên. Như vậy, Công ty cổ phần tập đoàn xây dựng Đ không còn bất cứ quyền, nghĩa vụ nào về tài chính liên quan đến Liên danh Bên B (Công ty TNHH MTV Q và Công ty TNHH MTV Đ). Tranh chấp giữa Công ty TNHH MTV Q và Công ty TNHH MTV Đ thuộc phạm vi công việc nội bộ của 2 nhà thầu trong liên danh với nhau và Công ty cổ phần tập đoàn xây dựng Đ không có trách nhiệm liên quan, cũng không có thông tin về việc thanh toán giữa hai Công ty này do vậy không có ý kiến nào khác.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc ủy thác tư pháp để tống đạt và niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật,

nhưng đại diện theo pháp luật của bị đơn Công ty TNHH MTV Q không có mặt tại Tòa án để tham gia tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và không có ý kiến gì đối với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH MTV Đ.

Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ để xác định tình trạng hoạt động của Công ty TNHH MTV Q, xác định mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường để giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày sau khi nguyên đơn làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết, vào tháng 01/2025 Công ty TNHH MTV Q đã chuyển tiền vào tài khoản để thanh toán nợ cho Công ty TNHH MTV Đ 02 lần, tổng số tiền là 300.000.000đ (*Ba trăm triệu đồng*). Số tiền nợ gốc Công ty TNHH MTV Q còn phải thanh toán là 569.195.303đ (*Năm trăm sáu mươi chín triệu một trăm chín mươi lăm nghìn ba trăm linh ba đồng*). Do đó, nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án buộc Công ty TNHH MTV Q phải thanh toán số tiền nợ gốc còn lại là 569.195.303đ (*Năm trăm sáu mươi chín triệu một trăm chín mươi lăm nghìn ba trăm linh ba đồng*) và tiền lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán với mức lãi suất 12%/năm (01%/tháng). Thời hạn tính lãi suất kể từ ngày 01/02/2025 cho đến ngày xét xử sơ thẩm. Đề nghị HĐXX buộc bị đơn phải tiếp tục trả lãi đối với khoản tiền nợ gốc phải thanh toán sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số tiền nợ gốc với mức lãi suất 12%/năm (01%/tháng).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Tuyên Quang tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng quy định của Điều 30, 48 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách của người tham gia tố tụng; tiến hành xác minh, tống đạt các văn bản cho đương sự, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục được quy định tại chương XIV của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn Công ty TNHH MTV Đ; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty cổ phần tập đoàn xây dựng Đ đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn Công ty TNHH MTV Q chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình (vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa không có lý do).

- Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm g khoản 1 Điều 40. Các Điều 147, 227, 228, 244, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 274, 275, 357, 385, 387, 513 Bộ luật Dân sự; các Điều 74, 78, 79, 82, 85, 86, 87, 306 Luật Thương mại; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH MTV Đ. Buộc Công ty TNHH MTV Q có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH MTV Đ số tiền nợ gốc là 569.195.303đ (*Năm trăm sáu mươi chín triệu một trăm chín*

mươi lăm nghìn ba trăm linh ba đồng) và tiền lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán từ ngày 01/02/2025 đến ngày xét xử sơ thẩm (12/9/2025) là 07 tháng 14 ngày x lãi suất 1%/tháng: 569.195.303đ x 1%/tháng x 07 tháng 14 ngày = 42.499.900đ (*Bốn mươi hai triệu bốn trăm chín mươi chín nghìn chín trăm đồng*) (làm tròn số). Tổng số tiền Công ty TNHH MTV Q phải thanh toán cho Công ty TNHH MTV Đ là 611.695.000đ (*Sáu trăm mười một triệu sáu trăm chín mươi lăm nghìn đồng*) (làm tròn số).

Ngoài ra, Kiểm sát viên còn đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị đơn Công ty TNHH MTV Q phải chịu án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm có giá ngạch, đồng thời tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về việc áp dụng pháp luật tố tụng dân sự:

Công ty TNHH MTV Đ và Công ty TNHH MTV Q là các pháp nhân thương mại có đăng ký kinh doanh, hoạt động đều nhằm mục đích sinh lợi nhuận. Công ty TNHH MTV Đ khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH MTV Q thanh toán tiền thi công dịch vụ khoan nổ mìn theo Hợp đồng số 01/HĐGK/2023/TQ - HPĐ, ngày 20/5/2023. Vì vậy, quan hệ pháp luật trong vụ án này được xác định là tranh chấp về kinh doanh, thương mại, cụ thể là "*Tranh chấp hợp đồng thi công*" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện (nay là Tòa án nhân dân khu vực) theo quy định tại khoản 1 Điều 30 và điểm b khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong Hợp đồng thi công dịch vụ khoan nổ mìn số 01/HĐGK/2023/TQ - HPĐ, ngày 20/5/2023, Công ty TNHH MTV Đ và Công ty TNHH MTV Q đã thỏa thuận lựa chọn Tòa án có thẩm quyền tại tỉnh Tuyên Quang giải quyết trong trường hợp phát sinh tranh chấp. Hợp đồng số 01/HĐGK/2023/ TQ - HPĐ được thực hiện tại địa bàn thôn Cổ Yểng, xã Thanh Tương, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang (nay là thôn Cổ Yểng, xã Nà Hang, tỉnh Tuyên Quang), do vậy Công ty TNHH MTV Đ khởi kiện lựa chọn Tòa án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang (nay là Tòa án nhân khu vực 3 – Tuyên Quang) thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc ủy thác tư pháp để thực hiện việc tống đạt và niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn Công ty TNHH MTV Q theo quy định của pháp luật. Mặc dù bị đơn Công ty TNHH MTV Q đã biết được việc Công ty TNHH MTV Đ khởi kiện yêu cầu mình thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền thi công dịch vụ khoan nổ mìn theo Hợp đồng số 01/HĐGK/2023/TQ - HPĐ, ngày 20/5/2023 nhưng đại diện bị đơn không có mặt tại Tòa án để tham gia tố tụng, không có ý kiến đối với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Sau khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án tiến hành triệu tập hợp lệ đại diện bị đơn đến tham gia phiên tòa (niêm yết công khai) 02 lần nhưng đại diện bị đơn vẫn cố tình vắng mặt không có lý do. Như vậy, đây được xem là trường hợp bị đơn cố tình vắng mặt để trốn tránh nghĩa vụ, tự từ bỏ quyền

của mình. Quá trình giải quyết vụ án, đại diện của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty cổ phần tập đoàn xây dựng Đ có Đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Do vậy, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp với quy định tại Điều 179, khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, xác định bị đơn đã trả số tiền nợ gốc 300.000.000đ (*Ba trăm triệu đồng*) vào tháng 01/2025 nên chỉ yêu cầu bị đơn phải trả số tiền nợ gốc còn lại là 569.195.303đ (*Năm trăm sáu mươi chín triệu một trăm chín mươi lăm nghìn ba trăm linh ba đồng*) và tiền lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán tính từ ngày 01/02/2025. Hội đồng xét xử thấy rằng việc đại diện nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện nhưng không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu, không làm thay đổi quan hệ tranh chấp của vụ án, do đó được chấp nhận để xem xét giải quyết theo quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc chấp hành pháp luật và thực hiện quyền, nghĩa vụ của đương sự:

Nguyên đơn Công ty TNHH MTV Đ; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty cổ phần tập đoàn xây dựng Đ đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn Công ty TNHH MTV Q chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình (vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa không có lý do).

[3] Về nội dung vụ án:

Nguyên đơn Công ty TNHH MTV Đ khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH MTV Q trả số tiền nợ gốc còn lại là 569.195.303đ (*Năm trăm sáu mươi chín triệu một trăm chín mươi lăm nghìn ba trăm linh ba đồng*) và tiền lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán tính từ tháng 02/2025 với mức lãi suất 12%/năm. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

** Về căn cứ phát sinh nghĩa vụ trả tiền:*

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa thể hiện vào ngày 06/05/2023 Công ty cổ phần tập đoàn xây dựng 168 Việt Nam (nay là Công ty cổ phần tập đoàn xây dựng Đ) (Bên A) đã ký Hợp đồng kinh tế số 01/HĐKT/2023/168-TQ-HPĐ với 02 liên danh (Bên B) là Công ty TNHH MTV Q (thành viên liên danh thứ nhất) và Công ty TNHH MTV Đ (thành viên liên danh thứ hai). Theo nội dung của Hợp đồng, Công ty cổ phần tập đoàn xây dựng 168 Việt Nam giao cho 02 liên danh thi công bốc xúc, vận chuyển, khoan nổ mìn phục vụ thi công đường giao thông đoạn Km227+000 - Km 238+ 000 thuộc gói thầu số 14: Dự án cải tạo nâng cấp QL2C đoạn tuyến Km217+150 đến Km247+100 tỉnh Tuyên Quang. Việc thanh toán tiền thực hiện hợp đồng được quy định tại Điều 5.7 và Điều 5.8 của Hợp đồng số 01/HĐKT/2023/168-TQ-HPĐ. Theo đó, Công ty cổ phần tập đoàn xây dựng 168 Việt Nam có trách nhiệm "*Tạm ứng cho Bên B thông qua thành viên đứng đầu Liên danh là Công ty TNHH MTV Q*" và "*Thanh toán qua Công ty TNHH MTV Q*".

Tiếp đó, ngày 20/5/2023, Công ty TNHH MTV Q và Công ty TNHH MTV Đ đã ký kết Hợp đồng thi công dịch vụ khoan nổ mìn số 01/HĐGK/2023/TQ - HPĐ. Theo nội dung của Hợp đồng, công ty TNHH MTV Q (Bên A) giao khoán cho Công ty TNHH MTV Đ (Bên B) thực hiện việc phá đá, nổ mìn phục vụ thi công đoạn Km227+000 - Km 238+ 000 thuộc gói thầu số 14: Dự án cải tạo nâng cấp QL2C đoạn tuyến Km217+150 đến Km247+100 tỉnh Tuyên Quang thuộc địa phận thôn Cổ Yểng, xã Thanh Tương, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang. Khối lượng công việc khoan nổ mìn, phá đá Công ty TNHH MTV Đ phải thực hiện là 110.000m^3, đơn giá là 65.000đ/m^3. Tổng giá trị Hợp đồng là 7.150.000.000đ (*Bảy tỷ một trăm năm mươi triệu đồng*). Ngày 01/12/2023, hai bên tiếp tục ký Phụ lục hợp đồng số 01.12/2023/HĐKNM/TQ – HPĐ, điều chỉnh đơn giá từ 65.000đ/m^3 lên thành 73.000đ/m^3. Đến ngày 29/6/2024, Công ty TNHH MTV Q và Công ty TNHH MTV Đ đã lập Biên bản nghiệm thu, đối chiếu công nợ giá trị nghiệm thu dịch vụ khoan nổ mìn kỳ 3. Qua đối chiếu, Công ty TNHH MTV Q còn phải thanh toán cho Công ty TNHH MTV Đ số tiền 1.213.907.290đ (*Một tỷ hai trăm mười ba triệu chín trăm linh bảy nghìn hai trăm chín mươi đồng*). Điều đó thể hiện Hợp đồng số 01/HĐGK/2023/TQ – HPĐ ngày 20/5/2023 giữa các bên đã có hiệu lực, Công ty TNHH MTV Đ đã thực hiện xong công việc nhận giao khoán nên làm phát sinh nghĩa vụ thanh toán tiền chi phí sử dụng dịch vụ thi công khoan nổ mìn của Công ty TNHH MTV Q theo các điều khoản quy định trong Hợp đồng mà hai bên đã ký kết.

** Về việc xác định số tiền nợ gốc phải trả:*

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn xác định, sau khi lập biên bản đối chiếu công nợ ngày 29/6/2024, trừ đi các khoản, Công ty TNHH MTV Q còn phải thanh toán cho Công ty TNHH MTV Đ số tiền 869.195.303đ (*Tám trăm sáu mươi chín triệu một trăm chín mươi lăm nghìn ba trăm linh ba đồng*). Đến tháng 01/2025, Công ty TNHH MTV Q đã chuyển tiền vào tài khoản, thanh toán cho Công ty TNHH MTV Đ 02 lần, tổng cộng được 300.000.000đ (*Ba trăm triệu đồng*), còn nợ lại 569.195.303đ (*Năm trăm sáu mươi chín triệu một trăm chín mươi lăm nghìn ba trăm linh ba đồng*) và yêu cầu Công ty TNHH MTV Q phải trả số tiền nợ gốc trên. Quá trình giải quyết vụ án, đại diện bị đơn cố tình vắng mặt không có lý do, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên không có căn cứ để đối chiếu, xác định số tiền nợ gốc mà bị đơn còn phải trả cho nguyên đơn. Tuy nhiên, số tiền nợ gốc nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả thấp hơn số tiền mà các bên đã xác định tại Biên bản nghiệm thu, đối chiếu công nợ giá trị nghiệm thu dịch vụ khoan nổ mìn kỳ 3 vào ngày 29/6/2024, không làm tăng thêm nghĩa vụ trả tiền của bị đơn đã được các bên xác định trước đó. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ gốc còn lại là 569.195.303đ (*Năm trăm sáu mươi chín triệu một trăm chín mươi lăm nghìn ba trăm linh ba đồng*).

** Về lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán:*

Tại mục 3.2 Điều 3 của Hợp đồng thi công dịch vụ khoan nổ mìn số 01/HĐGK/2023/TQ - HPĐ quy định: "*Hai bên cử cán bộ kỹ thuật đối chiếu, nghiệm thu khối lượng bên B đã thi công vào ngày cuối tháng. Sau khi đã ký biên*

bản nghiệm thu khối lượng, bên A thanh toán cho bên B 100% giá trị khối lượng theo biên bản nghiệm thu chậm nhất 10 ngày kể từ khi hai bên ký biên bản nghiệm thu...."; tại mục 3.4 Điều 3 Hợp đồng quy định: *"...Trong trường hợp bên A chậm thanh toán cho bên B sau 30 ngày, kể từ ngày hai bên đã xác nhận nghiệm thu khối lượng để không làm ảnh hưởng đến tiến độ thi công; đồng thời bên A trả cho bên B giá trị chậm thanh toán theo lãi suất hiện hành đối với các khoản vay của ngân hàng thương mại có tài khoản của bên B bằng VNĐ*". Căn cứ các nội dung trên của Hợp đồng thì nghĩa vụ thanh toán của Công ty TNHH MTV Q (bên A) đã phát sinh sau 10 ngày, kể từ ngày hai bên lập Biên bản nghiệm thu, đối chiếu công nợ vào ngày 29/6/2024. Tuy nhiên, đến tháng 01/2025 Công ty TNHH MTV Q mới thanh toán cho Công ty TNHH MTV Đ (bên B) số tiền 300.000.000đ (*Ba trăm triệu đồng*). Như vậy, bên A đã vi phạm thời hạn thanh toán cho bên B theo nội dung thỏa thuận các bên đã ký kết trong Hợp đồng nên làm phát sinh nghĩa vụ trả tiền lãi đối với khoản tiền bên A chậm thanh toán cho bên B.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn yêu cầu áp dụng mức lãi suất 12%/năm (01%/tháng) đối với khoản tiền bị đơn chậm thanh toán. Hội đồng xét xử thấy rằng, mức lãi suất mà đại diện nguyên đơn yêu cầu không vượt quá với mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (Agribank) – Chi nhánh tỉnh Tuyên Quang; Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam (Vietinbank) – Chi nhánh Tuyên Quang và Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) – Chi nhánh Tuyên Quang. Việc nguyên đơn yêu cầu tiền lãi do bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán là phù hợp với quy định tại Điều 306 Luật Thương mại nên được chấp nhận. Thời hạn tính lãi kể từ 01/02/2025 đến ngày 12/9/2025 (ngày xét xử sơ thẩm) là 07 tháng 14 ngày. Số tiền lãi bị đơn phải trả là: 569.195.303đ x 01%/tháng x 07 tháng 14 ngày = 42.499.900đ (*Bốn mươi hai triệu bốn trăm chín mươi chín nghìn chín trăm đồng*) (*làm tròn số*).

Từ những nhận định như trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Công ty TNHH MTV Q có nghĩa vụ trả cho Công ty TNHH MTV Đ số tiền nợ gốc là 569.195.303đ (*Năm trăm sáu mươi chín triệu một trăm chín mươi lăm nghìn ba trăm linh ba đồng*) và tiền lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán là 42.499.900đ (*Bốn mươi hai triệu bốn trăm chín mươi chín nghìn chín trăm đồng*). Tổng số tiền Công ty TNHH MTV Q phải trả cho Công ty TNHH MTV Đ là 611.695.000đ (*Sáu trăm mười một triệu sáu trăm chín mươi lăm nghìn đồng*) (làm tròn số).

[4] Về án phí:

Do Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên nguyên đơn Công ty TNHH MTV Đ không phải chịu án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm có giá ngạch, được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bị đơn Công ty TNHH MTV Q phải chịu án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật. Số tiền án phí bị đơn phải nộp là: 20.000.000đ + (211.695.000đ x 4%) = 28.467.800đ (*Hai mươi tám triệu bốn trăm sáu mươi bảy nghìn tám trăm đồng*).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty cổ phần tập đoàn xây dựng Đ không phải chịu án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm có giá ngạch.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm g khoản 1 Điều 40. Các Điều 147, 227, 228, 244, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 274, 275, 357, 385, 387, 513 Bộ luật Dân sự; các Điều 74, 78, 79, 82, 85, 86, 87, 306 Luật Thương mại; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH MTV Đ. Buộc Công ty TNHH MTV Q có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH MTV Đ khoản tiền nợ gốc còn lại là 569.195.303đ (*Năm trăm sáu mươi chín triệu một trăm chín mươi lăm nghìn ba trăm linh ba đồng*) và tiền lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán là 42.499.900đ (*Bốn mươi hai triệu bốn trăm chín mươi chín nghìn chín trăm đồng*) theo Hợp đồng thi công dịch vụ khoan nổ mìn số 01/HĐGK/2023/TQ -HPĐ, ngày 20/5/2023, Phụ lục hợp đồng số 01.12/2023/HĐKNM/TQ – HPĐ, ngày 01/12/2023 và Biên bản nghiệm thu, đối chiếu công nợ giá trị nghiệm thu dịch vụ khoan nổ mìn kỳ 3, ngày 29/6/2024. Tổng số tiền Công ty TNHH MTV Q phải trả cho Công ty TNHH MTV Đ là 611.695.000đ (*Sáu trăm mười một triệu sáu trăm chín mươi lăm nghìn đồng*) (làm tròn số).

Buộc Công ty TNHH MTV Q phải tiếp tục trả lãi suất theo mức lãi suất 12%/năm (01%/tháng) đối với số tiền nợ gốc chưa thanh toán cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Thời gian tính lãi được tính từ ngày 13/9/2025.

2. Về án phí:

- Nguyên đơn Công ty TNHH MTV Đ không phải chịu án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm có giá ngạch, được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 19.689.500đ (*Mười chín triệu sáu trăm tám mươi chín nghìn năm trăm đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000900, ngày 06/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 – Tuyên Quang).

- Bị đơn Công ty TNHH MTV Q phải chịu 28.467.800đ (*Hai mươi tám triệu bốn trăm sáu mươi bảy nghìn tám trăm đồng*) án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm có giá ngạch.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty cổ phần tập đoàn xây dựng Đ không phải chịu án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm có giá ngạch.

3. Về quyền kháng cáo:

- Nguyên đơn Công ty TNHH MTV Đ được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án.

- Bị đơn Công ty TNHH MTV Q và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty cổ phần tập đoàn xây dựng Đ được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND khu vực 3 – Tuyên Quang;
- THADS tỉnh Tuyên Quang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Hữu San